

Họ và tên:

ĐỀ ÔN SỐ 1

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu bài.

Câu 1 (M1- 1đ) a, $4\frac{3}{100}$ viết dưới dạng số thập phân ta được số:

- A. 0,43 B. 4,3 C. 4,03 D. 4,003.

b, Số thập phân gồm ba mươi hai đơn vị, sáu phần nghìn được viết là:

- A. 32,60 B. 32,06 C. 32,006 D. 32,600

Câu 2 (M1- 1đ) a) Làm tròn kết quả của phép tính $298,56 : 2,5$ đến hàng phần mười là:

- A. 120 B. 119 C. 119,4 D. 119,42

b) Tính nhẩm:

$3,56 \times 100 = \dots\dots\dots$ $1,067 : 0,1 = \dots\dots\dots$

$2,54 \times 0,1 = \dots\dots\dots$ $2,557 : 100 = \dots\dots\dots$

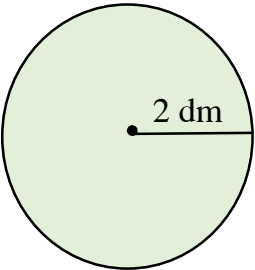
Câu 3 (M2- 1 đ) Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

- a) 67,12 kg = g b) 12 tạ 34 kg = tạ
c) 74 tạ = tấn d) 3 giờ 30 phút =giờ

Câu 4 (M3 -1 đ) Điền số thích hợp vào ô trống

Chu vi của hình vẽ bên là:

Diện tích của hình vẽ bên là:



Câu 5 (M2- 2đ) Đặt tính rồi tính

$23,7 + 151,34$

$24,75 - 2,59$

$51,7 \times 2,6$

$63,25 : 25$

.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

Câu 6 (M2 - 2 đ) Bác An trồng cây ăn quả trên một thửa ruộng hình thang có đáy lớn bằng 25,6 m và đáy bé 52 dm. Chiều cao của thửa ruộng bằng trung bình cộng của hai đáy. Tính diện tích thửa ruộng.

.....
.....

Câu 7 (M3- 1đ) Đường kính của một bánh xe đạp là 60 cm. Để người đi xe đạp đi được quãng đường 1884m thì mỗi bánh xe phải lăn bao nhiêu vòng?

Câu 8 (M3- 1đ)

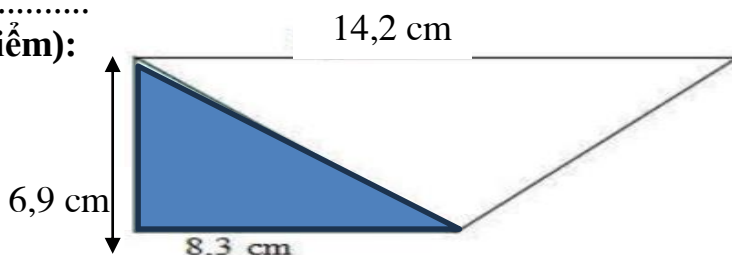
a) Tính bằng cách thuận tiện

$$1,25 \times 57 + 1,25 \times 41 + 2,5$$

b) Tính giá trị của biểu thức sau:

$$9,5 : (3,7 + 6,3) - 0,54 : 2$$

Câu 9 (0,5 điểm):



Tính diện tích tam giác không tô đậm trong hình trên.

Câu 10 (0,5 điểm):

Trung bình cộng của ba số là 6,89. Trung bình cộng của số thứ nhất và số thứ hai là 8,425. Tìm số thứ ba

Họ và tên: **ĐỀ ÔN SỐ 2**

Câu 1 (1 điểm)

a) Số thập phân gồm 2 chục, 5 phần trăm là:

- A. 2,5 B. 20,05 C. 20,5 D. 500,2

b) Số thích hợp điền vào ô trống $15,784 < 15, \square 84$ là:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 9

Câu 2. (1 điểm)

a) Làm tròn số thập phân 23,374 đến hàng phần mười là:

- A. 23,37 B. 23,4 C. 23,375 D. 23,474

b) Sắp xếp các số thập phân 1,25; 0,98; 3,56; 2,014 theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 1,25; 3,56; 0,98; 2,014 B. 3,56; 2,014; 1,25; 0,98
C. 0,98; 1,25; 2,014; 3,56 D. 0,98; 3,56; 1,25; 2,014

Câu 3 (1 điểm). Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5km 302m =km

b) $3 \text{ cm}^2 6 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

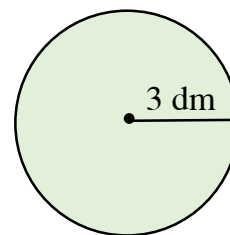
c) 7 tấn 3 kg = tấn

d) 6,025 m =dm

Câu 4. (1 điểm). Điền đáp án thích hợp vào chỗ chấm:

a. Chu vi của hình vẽ bên là:

b. Diện tích của hình vẽ bên là:



II. Phần tự luận (6 điểm)

Câu 5. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a) $275,86 + 45,7$

b) $94 - 63,827$

c) $48,16 \times 4,6$

d) $9,86 : 2,9$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6 (2 điểm). Một thửa ruộng dạng hình thang có độ dài 2 đáy là 15,3 m và 24,7 m; chiều cao bằng trung bình cộng của hai đáy. Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, cứ 1 m^2 thu hoạch được 1,2 kg thóc. Hỏi:

a) Thửa ruộng đó có diện tích bằng bao nhiêu m^2 ?

b) Trên thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ?

.....

.....

.....

.....

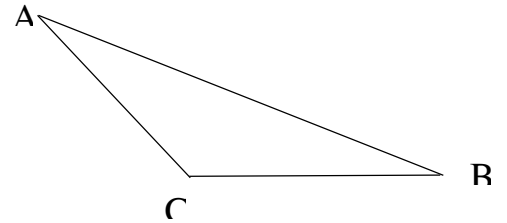
.....

.....

.....

.....

Câu 7(1đ) a. Hãy vẽ đường cao AH xuống đáy BC của tam giác ABC



b. Biết độ dài đáy BC là 4,5cm, đường cao AH là 4cm. Tính diện tích tam giác ABC.

.....

.....

.....

Câu 8 (1 điểm). Tính bằng cách thuận tiện

a) $(10,38 + 12,58 + 14,68) - (0,38 + 4,68 + 2,58)$

.....

.....

.....

.....

b) $2,5 \times 1,95 + 1,95 \times 4 + 3,5 \times 1,95$

.....

.....

.....

.....

$$41,6 : 0,25 + 41,6 \times 3 + 41,6 : 0,5 + 41,6$$

.....

.....

.....

.....

.....

$$1998 \times 34,57 + 65,44 \times 1998 - 1998 : 0,01$$

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên:

ĐỀ ÔN SỐ 3

Câu 1 (M1- 1đ)

a, Chữ số 7 trong số thập phân 32,475 có giá trị là:

- A. 70 B. 700 C. $\frac{7}{10}$ D. $\frac{7}{100}$

b) Làm tròn số thập phân 9,575 đến hàng phần mười.

- A. 9,5 B. 9,6 C. 9,58 D. 9,67

Câu 2 (M1- 1đ)

a) Hai số tự nhiên liên tiếp thỏa mãn điều kiện: $\dots < 24,5 < \dots$ là

- A. 23 và 24 B. 24 và 25 C. 23 và 25 D. 24 và 26

b) Phép tính $8,2 \times 0,01$ cho kết quả là:

- A. 8,21 B. 0,82 C. 0,0082 D. 0,082

Câu 3 (M2- 1 đ) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào bên phải phép đổi tương ứng.

a) $8,5 \text{ km} = 8500 \text{ m}$

c) $2 \text{ ha } 38 \text{ m}^2 = 2,38 \text{ ha}$

b) $5 \text{ tấn } 23 \text{ kg} = 5,023 \text{ tấn}$

d) $3,5 \text{ km}^2 = 350 \text{ ha}$

Câu 4 (M3 -1 đ)

a) Một hình thang có đáy lớn 12cm, đáy bé 8cm, chiều cao là 6cm. Vậy diện tích của hình thang đó là:

- A. 60 m^2 B. 60 cm^2 C. 60 dm^2 D. 120 m^2

b) Một hình tam giác có diện tích là 17 dm^2 , độ dài đáy 8,5 dm. Tính chiều cao của hình tam giác đó.

- A. 2 m B. 2 dm C. 4 dm D. 4 m

Câu 5 (M2- 2đ) Đặt tính rồi tính

$$498,5 + 195$$

$$876,3 - 694,76$$

$$45,18 \times 3,5$$

$$80,56 : 3,8$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6 (M2- 2đ) Một mảnh đất hình thang có đáy lớn 20m, đáy bé bằng $\frac{3}{5}$ đáy lớn, chiều cao 8,5m. Ở giữa mảnh đất người ta đào cái ao nhỏ có bán kính 3m, phần còn lại dùng để trồng rau. Tính diện tích đất trồng rau.

.....

.....

.....

.....

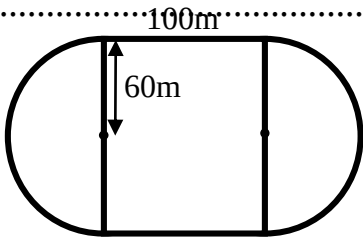
.....

.....

.....

.....

Câu 7 (M3- 1đ) Một sân vận động được xây dựng trên mảnh đất tạo bởi hình chữ nhật và hai nửa hình tròn có kích thước như hình bên. Tính diện tích của mảnh đất đó



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8 (M3- 1đ)

b) Tính bằng cách thuận tiện

$$3,27 \times 0,25 + 2,3 \times \frac{1}{2} + 2,13 : 4$$

.....

.....

.....

.....

b) Tính giá trị của biểu thức sau:

$$(256,8 - 146,4) : 4,8 - 20,06$$

.....

.....

.....

.....

Câu 9 (1 điểm-M3): Tính bằng cách thuận tiện:

$$41,6 : 0,25 + 41,6 \times 3 + 41,6 : 0,5 + 41,6$$

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên:

ĐỀ ÔN SỐ 4

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm):) : Khoanh vào trước câu trả lời đúng nhất hoặc thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (1 điểm): a. Số gồm 6 trăm, 2 đơn vị, 5 phần mười, 8 phần nghìn viết là:

- A. 62,58 B. 602,508 C. 602,58 D. 62,508

b. Làm tròn số thập phân 8,165 đến hàng phần mười.

- A. 8,2 B. 8,1 C. 8,16 D. 8,17

Câu 2 (1 điểm): Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$572,6 \times 100 = \dots\dots\dots \dots\dots\dots \times 0,01 = 34,95$

$0,9045 : \dots\dots\dots = 904,5$ $723,2 : 1000 = \dots\dots\dots$

Câu 3 (1 điểm) Viết số hoặc đơn vị đo thích hợp vào chỗ chấm

$45 \text{ m } 23 \text{ mm} = \dots\dots\dots \text{ m}$ $3\frac{3}{4} \text{ giờ} = \dots\dots\dots \text{ phút}$

$12,34 \text{ tạ} = \dots \text{ yến}$ $76 \text{ ha } 95 \dots\dots = 769500 \text{ m}^2$

Câu 4 (1 điểm): Đúng ghi Đ, sai ghi S

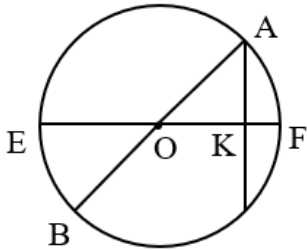
a) Bán kính của hình tròn là OA; OB; OE; OF ☐

b) Đường kính của hình tròn là EF; AB ☐

c) Hình tròn tâm O, bán kính OK, đường kính OB ☐

d) AB gấp 2 lần OE ☐

e) AB gấp 2 lần OK ☐



Câu 5 (2 điểm): Đặt tính rồi tính:

$32,7 + 129,05$ $93,8 - 27,045$ $53,6 \times 4,7$ $6,37 : 0,26$

.....
.....
.....
.....
.....
.....

a) $13,794 + 67,915$ b) $28,638 - 19,745$ c) $9,46 \times 3,4$ d) $981,825 : 6,5$

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 6 (2 điểm): Một thửa ruộng hình thang có đáy lớn là 130m, đáy bé bằng $\frac{4}{5}$ đáy lớn.

Đáy bé dài hơn chiều cao 4m.

- a, Tính diện tích thửa ruộng đó.
b, Trung bình cứ 1 m² thu hoạch được 6 kg thóc. Tính số tấn thóc thu hoạch được trên thửa ruộng đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

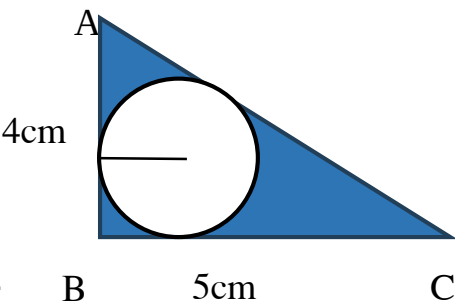
.....

.....

.....

.....

Câu 7 (1 điểm): Tính diện tích phần tô đậm
Biết hình tròn có bán kính 1cm



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8 (1 điểm). Tính bằng cách thuận tiện nhất

a. $102,4 : 0,25 : 40 + 97,6 : 1,25 : 8$

.....

.....

.....

.....

.....

b. $(20 + 6,8) \times 42 + 13,4 \times 2 \times 58$

.....

.....

.....

.....

a) $25,8 \times 100 - 25,7 : 0,01$

b) $7,89 \times 54 - 7,89 \times 52 - 7,89$

.....

.....

.....

Họ và tên:

ĐỀ ÔN SỐ 5

Câu 1 (M1- 1đ)

- a) Hỗn số $4\frac{3}{100}$ viết dưới dạng số thập phân ta được số:
A. 0,43 B. 4,3 C. 4,03 D. 4,003
- b) Số thập phân gồm ba mươi hai đơn vị, sáu phần nghìn được viết là:
A. 32,60 B. 32,06 C. 32,006 D. 32,600

Câu 2 (M1-1đ)

- a) Làm tròn số 467,329 đến hàng phần trăm:
A. 500 B. 467,33 C. 467,3 D. 470
- b) Số lớn nhất trong các số: 5,278; 5,287; 5,827; 5,872 là số nào?
A. 5,278 B. 5,287 C. 5,827 D. 5,872

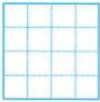
Câu 3 (M2-1 đ) Viết số hoặc đơn vị thích hợp vào chỗ chấm

65,32 kg =..... tạ $5\frac{1}{10}$ giờ = phút
56,3 m² = m²dm² 4 km 4m = 4,004.....

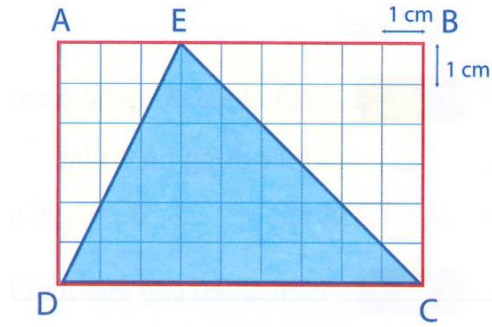
Câu 4 (M1-1 đ) Đ, S?



a. Diện tích hình tam giác DEC bằng diện tích hình chữ nhật ABCD.



b. Diện tích hình tam giác DEC là 27 cm².



Câu 5 (M2- 2đ) Đặt tính rồi tính

758,45 + 41,28 93,84 - 32,507 7,42 x 3,7 25,85 : 2,5

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

a) $6,75 + 41,282$

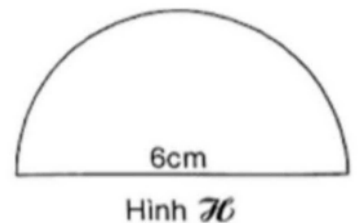
b) $820,95 - 487,55$

c) $7,8 \times 6,4$

d) $25,2 : 1,2$

Câu 6 (M2- 2đ): Một thửa ruộng hình thang có đáy lớn là 62,4 m, đáy bé bằng $\frac{3}{4}$ đáy lớn, chiều cao là 35m. Biết rằng, cứ 1m^2 thu hoạch được 5,5kg rau. Hỏi người ta thu hoạch được bao nhiêu tấn rau trên thửa ruộng đó?

Câu 7 (M3- 1đ) Cho nửa hình tròn **H** như hình bên. Tính chu vi hình **H**



Câu 8 (M3- 1đ) : Tính bằng cách thuận tiện

a, $0,2 \times 3,18 \times 50$

b, $1,25 \times 57 + 1,25 \times 41 + 2,5$

Họ và tên:

ĐỀ ÔN SỐ 6

Câu 1 (M1- 1đ)

a) Hỗn số $3\frac{56}{200}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 3,56 B. 6,56 C. 6,28 D. 3,28

b) Chữ số 6 trong số thập phân 15,386 có giá trị là:

- A. $\frac{6}{1000}$ B. $\frac{6}{10}$ C. $\frac{6}{100}$ D. 6

Câu 2 (M1- 1đ) ?

a) Có bao nhiêu số tự nhiên thỏa mãn điền vào chỗ chấm sau: $5,6 < \dots < 11,8$

- A. 4 số B. 5 số C. 6 số D. 7 số

b) Cho các số: 5,879; 5,689; 5,925; 5,798. Các số được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

- A. 5,689; 5,798; 5,879; 5,925 B. 5,689; 5,879; 5,879; 5,798
C. 5,925; 5,879; 5,798; 5,689 D. 5,925; 5,798; 5,879; 5,689

Câu 3 (M2- 1đ) Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

56 ha =km²

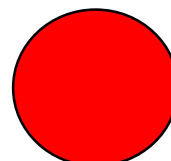
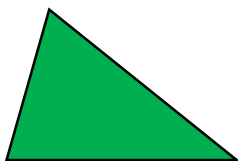
9 tấn 15 yến =tấn

3 dm 75 cm = dm

85,34 m² =m²cm²

Câu 4 (M1 -1đ)

Nối các hình dưới đây với công thức diện tích tương ứng



$$S = \frac{a \times h}{2}$$

$$S = a \times b$$

$$S = r \times r \times 3,14$$

$$S = \frac{(a+b) \times h}{2}$$

Câu 5 (M2- 2đ) Đặt tính rồi tính

60,8 + 578,482

937,8 - 36,78

93,5 x 8,9

85,75 : 3,5

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 6 (M2- 2đ): Một thửa ruộng hình thang có đáy lớn bằng 30m, đáy bé bằng 12,5m, chiều cao bằng $\frac{3}{5}$ đáy lớn. Người ta trồng rau trên thửa ruộng đó, cứ 5m² thu hoạch được 4kg rau. Hỏi người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ rau trên toàn bộ thửa ruộng đó?

Câu 7 (M3- 1đ) Một chiếc bàn tròn bằng gỗ có bán kính là 0,8m. Người thợ đã chuẩn bị một cuộn dây trang trí dài 5,5m để viền quanh mép bàn. Vậy cuộn dây đó có đủ để viền hết một vòng quanh mép bàn hay không? Tìm độ dài phần dây còn thừa hoặc còn thiếu.

Câu 8 (M3- 1đ) Tính bằng cách thuận tiện

a) $155 : 2,5 + 45 : 2,5$

b) $73,52 \times 62 + 735,2 \times 3,8$

Câu 11 (M3 – 1,0 điểm) Tính diện tích phần tô đậm:

